

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1203/2025/DS-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Huệ

2. Bà Hồ Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1774/2025/QĐXXST-DS ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2639/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: số B - B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: số H đường số H, Phường A, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 1857/2024/UQ-TGD ngày 26/3/2024).

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: số H Đường A, khu phố C, phường P, thành phố T (nay là khu phố G, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vào ngày 04/10/2014, bà Lê Thị N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng).

Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,766%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lê Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 550.481.320 đồng, bà N đã thanh toán được số tiền 542.718.589 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 22/01/2023.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lê Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản các Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/4/2023 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S).

Tính đến ngày 26/9/2025, bà Lê Thị N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S các khoản sau: nợ gốc 33.356.371 đồng, nợ lãi 40.965.216 đồng; tổng cộng là 74.321.587 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Lê Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ là 74.321.587 đồng, trong đó nợ gốc là 33.356.371 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.965.216 đồng và tiền lãi tiếp tục phát từ ngày 27/9/2025 cho đến khi bà N trả hết nợ vay theo lãi suất được quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Ngân hàng thương mại cổ phần S xác định chỉ cho cá nhân bà N vay tiền, không liên quan gì đến ai, nên chỉ yêu cầu cá nhân bà N có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Khi vay tiền bà N không có thể chấp tài sản gì.

Bị đơn bà Lê Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà Lê Thị N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 74.321.587 đồng, trong đó nợ gốc là 33.356.371 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.965.216 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại phường P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa ngày 08/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) có chữ ký ghi họ tên bà Lê Thị N do nguyên đơn cung cấp, có cơ

sở xác định vào ngày 04/10/2014 bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng cho bị đơn sử dụng.

Sau khi nhận thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 550.481.320 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 542.718.589 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 22/01/2023 nên tính đến ngày 26/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 33.356.371 đồng, tiền lãi quá hạn 40.965.216 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 04/10/2014 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 74.321.587 đồng, trong đó tiền gốc 33.356.371 đồng, tiền lãi quá hạn 40.965.216 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 3, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Bà Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 74.321.587 (bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó tiền nợ gốc 33.356.371 đồng, tiền lãi quá hạn 40.965.216 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị N tiếp tục phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N phải nộp 3.716.079 (ba triệu bảy trăm mười sáu ngàn không trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.223.725 (một triệu hai trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079246 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu